

Elijah - Số sáu

Mười bài kiểm tra

Jeff Pippenger

2023-10-05

Chúng ta đã bàn về ý nghĩa biểu tượng của Ê-li và hiện đang dùng những biến cố lịch sử tại Núi Cạt-mên và Núi Si-nai để minh họa một quá trình thử luyện theo từng giai đoạn đối với sừng của Tin Lành, và một quá trình phát triển chính trị theo từng giai đoạn đối với sừng của Chủ nghĩa Cộng hòa, vốn song song với sừng của Tin Lành.

Bài viết trước đã phân tích cuộc nổi loạn trong Dân Số Ký chương mười ba và mười bốn, từ đó xác định thử thách thứ mười và sau cùng dành cho Y-so-ra-ên cổ đại sau khi họ vượt qua Biển Đỏ. Lịch sử ấy trùng khớp với phong trào mở đầu của lịch sử Millerite, đồng thời cũng trùng khớp với lịch sử của phong trào sau cùng của Đức Chúa Trời. Công việc của cả ba thiên sứ trong Khải Huyền chương mười bốn được hoàn thành bởi một phong trào lúc khởi đầu và một phong trào lúc kết thúc.

Vị thiên sứ hiệp tiếng trong việc rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba sẽ soi sáng toàn thể gian bằng vinh quang của mình. Ở đây báo trước một công cuộc có phạm vi toàn cầu và quyền năng chưa từng có. Phong trào Tái Lâm giai đoạn 1840–1844 là một sự biểu lộ vinh hiển của quyền năng Đức Chúa Trời; sứ điệp của thiên sứ thứ nhất đã được đem đến mọi trạm truyền giáo trên khắp thế giới, và tại một số quốc gia đã có mối quan tâm tôn giáo lớn lao nhất từng được chứng kiến tại bất kỳ xứ sở nào kể từ cuộc Cải Chánh thế kỷ mười sáu; nhưng những điều ấy sẽ còn bị vượt qua bởi phong trào mạnh mẽ dưới lời cảnh cáo sau cùng của thiên sứ thứ ba. Cuộc Đại Tranh Chiến, 611.

Giữa lịch sử của phong trào khởi đầu và phong trào kết thúc, chúng ta tìm thấy lịch sử của Hội thánh Laodicea. Thiên sứ làm sáng khắp đất bằng vinh quang của mình rõ ràng được xác định là một phong trào, không phải là một hội thánh.

Về Ba-by-lôn, vào thời điểm được trình bày trong lời tiên tri này, có lời phán: "Tội lỗi của nó đã chất đến tận trời, và Đức Chúa Trời đã nhớ đến các sự gian ác của nó." Khải Huyền 18:5. Nó đã chất đầy tội lỗi của mình, và sự hủy diệt sắp giáng trên nó. Nhưng Đức Chúa Trời vẫn còn có một dân Ngài ở trong Ba-by-lôn; và trước khi án phạt của Ngài giáng xuống, những người trung tín ấy phải được kêu ra, để họ không dự phần vào các tội lỗi của nó và "không nhận lấy các tai họa của nó." Bởi đó có phong trào được biểu tượng bởi thiên sứ từ trời xuống, làm sáng rực đất bằng vinh quang của mình và kêu lớn tiếng, loan báo các tội lỗi của Ba-by-lôn. Cùng với sứ điệp của vị ấy, có tiếng gọi: "Hỡi dân Ta, hãy ra khỏi nó." Những lời công bố này, hiệp với sứ điệp của thiên sứ thứ ba, tạo thành lời cảnh cáo sau cùng phải được ban cho cư dân trên đất. Cuộc Đại Tranh Chiến, 604.

Tất cả các nhà tiên tri đều đồng ý với nhau, và họ đều xác định "những ngày sau rốt" một cách cụ thể hơn so với việc họ xác định những ngày mà các lời tiên tri đã được công bố. Như một ví dụ cho hiện tượng này, thiên sứ trong Khải Huyền mười tám đã và đang được tiêu biểu bởi thiên sứ trong

Khải Huyền mười. Cả hai đều làm rực sáng trái đất bằng vinh quang của mình khi giáng xuống. Bà White xác định thiên sứ thứ nhất trong sách Early Writings.

"Chúa Giê-su sai phái một thiên sứ quyền năng giáng xuống để cảnh báo các cư dân trên đất chuẩn bị cho sự tái lâm của Ngài. Khi thiên sứ rời khỏi sự hiện diện của Chúa Giê-su trên trời, một luồng ánh sáng vô cùng rực rỡ và vinh hiển đi trước thiên sứ ấy. Tôi được cho biết rằng sứ mạng của thiên sứ là làm sáng khắp đất bằng vinh quang của mình và cảnh báo loài người về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sắp đến." Early Writings, 245.

Thiên sứ của Khải Huyền đoạn mười tám đã giáng xuống vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Điều đó đã được báo trước bởi thiên sứ đã giáng xuống vào ngày 11 tháng 8 năm 1840. Trong Ê-sai đoạn sáu, Ê-sai được cho thấy đèn thờ trên trời và vinh quang của Đức Chúa Trời. Ở câu ba của đoạn sáu, nêu rõ rằng toàn cõi đất đều đầy dẫy vinh quang của Đức Chúa Trời. Điều đó xảy ra khi thiên sứ của Khải Huyền đoạn mười tám giáng xuống.

Và sau những điều ấy, tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và địa cầu được chiếu sáng bởi vinh quang của người. Khải Huyền 18:1.

Ê-sai đoạn 6 câu 3 chỉ ra cùng một lịch sử.

Người này kêu với người kia, rằng: Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Chúa các đạo binh; khắp đất đầy dẫy vinh hiển của Ngài. Ê-sai 6:3.

Bà White kết hợp khái tượng về đèn thánh của Ê-sai với phong trào của Khải Huyền đoạn mười tám.

Các sê-ra-phim trước ngài tràn đầy lòng kính sợ khi chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời, đến nỗi họ không một thoáng nào nhìn vào chính mình với sự tự mãn, cũng không trầm trồ thán phục bản thân hay lẫn nhau. Mọi lời tán dương và vinh hiển của họ đều thuộc về Chúa các đạo binh, Đấng cao cả và được tôn cao, và vật áo vinh hiển của Ngài tràn ngập đèn thờ. Khi họ nhìn thấy tương lai, khi cả đất sẽ đầy dẫy vinh quang của Ngài, bài ca khải hoàn ngợi khen vang vọng đối đáp từ vị này sang vị kia trong khúc xướng du dương: 'Thánh thay, thánh thay, thánh thay, là Chúa các đạo binh.' Họ hoàn toàn mãn nguyện khi tôn vinh Đức Chúa Trời; và trong sự hiện diện của Ngài, dưới nụ cười hài lòng của Ngài, họ chẳng ước ao gì hơn. Mang lấy hình ảnh Ngài, phục sự Ngài và thờ phượng Ngài, chí hướng cao nhất của họ đã được hoàn toàn đạt tới.

"Khải tượng được ban cho Ê-sai phản ánh tình trạng của dân sự Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt." Review and Herald, ngày 22 tháng 12 năm 1896.

Giăng trong Khải Huyền chương mười và cả chương mười tám, cùng với Ê-sai trong chương sáu và phần chú giải của Bà White, đều đặt tất cả những minh họa về việc trái đất được soi sáng bởi vinh quang của Đức Chúa Trời vào cùng một thời điểm trong lịch sử. Cả thế giới đã chứng kiến những sự kiện diễn ra vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Lịch sử tiến triển của phong trào Millerite, kết thúc vào năm 1863, là kiểu mẫu cho lịch sử khi thiên sứ quyền năng trong Khải Huyền mười tám giáng xuống, cùng với lịch sử liên hệ đến thiên sứ đã giáng xuống trong Khải Huyền chương mười. Với những tiền đề mở đầu này, chúng ta sẽ trở lại với tiến trình thử thách được trình bày

trong Dân Số Ký chương mười bốn. Sau khi Môi-se cầu thay cho những kẻ phản nghịch muốn trở về Ai Cập và ném đá Giô-suê cùng Ca-lép, Đức Chúa Trời chấp nhận lời cầu thay của Môi-se.

Đức Chúa phán: Ta đã tha thứ theo lời ngươi; nhưng quả thật như Ta hằng sống, vinh hiển của Đức Chúa sẽ đầy dẫy khắp đất. Vì hết thảy những kẻ đã thấy vinh hiển Ta và những phép lạ Ta đã làm tại Ai Cập và trong đồng vắng, mà nay đã thử Ta đến mười lần và chẳng lắng nghe tiếng Ta, thì chắc chắn họ sẽ chẳng thấy đất mà Ta đã thề ban cho tổ phụ họ; cũng chẳng ai trong những kẻ đã chọc Ta phẫn nộ được thấy đất ấy. Nhưng đây tớ Ta là Ca-lép, vì trong người có một tâm thần khác và người đã hết lòng theo Ta, nên Ta sẽ đưa người vào đất mà người đã đến; và dòng dõi người sẽ chiếm hữu nó. Dân Số Ký 14:20-24.

Lịch sử được trình bày trong Dân Số Ký chương mười bốn là kỳ thử thách cuối cùng đối với Y-sơ-ra-ên xưa, và sự thất bại của họ đã ấn định cho họ cái chết trong đồng vắng suốt bốn mươi năm tiếp theo. Lịch sử này liên hệ trực tiếp với Khải Huyền chương mười tám, vì ở đó Đức Chúa Trời tuyên bố rằng “quả thật như” Đức Chúa Trời hằng sống, “cả trái đất sẽ đầy dẫy vinh quang của Chúa.” Đó là một tuyên bố hết sức mạnh mẽ mà Đức Chúa Trời đặt trong ghi chép lịch sử này; qua đó Ngài nhấn mạnh rằng lịch sử được thể hiện trong Dân Số Ký các chương mười ba và mười bốn hướng về phong trào quyền năng của thiên sứ trong Khải Huyền chương mười tám. Bởi vì Khải Huyền chương mười tám là hồi kết của dân sót lại của Đức Chúa Trời, nên khởi đầu của dân sót lại ấy cũng được minh họa trong đoạn mà chúng ta đang xem xét trong sách Dân Số Ký.

Vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi một lời tiên tri của Hội giáo về tai họa thứ hai được ứng nghiệm, dân giao ước được chọn trước đây đã được thử thách bởi sứ điệp của Ê-li vừa mới được chứng minh là đúng.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, khi một lời tiên tri của Hội giáo về tai họa thứ ba được ứng nghiệm, dân giao ước được chọn trước kia đã đánh dấu sự khởi đầu của cuộc phán xét những người đang sống, theo sứ điệp của Ê-li vừa được chứng minh là đúng.

Sứ điệp Ê-li trong lịch sử phong trào Miller được đặt trong bối cảnh thì giờ tiên tri. Sứ điệp Ê-li vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 được đặt trong bối cảnh lịch sử lặp lại. Ngày 11 tháng 9 năm 2001 lặp lại lịch sử của ngày 11 tháng 8 năm 1840, vì cả hai ngày đều biểu thị sự ứng nghiệm của một lời tiên tri về Hội giáo, và cả hai đều đánh dấu sự giáng xuống của thiên sứ, mà Chị White nói rằng “không kém gì chính Đức Chúa Giê-su Christ.” Mặc dù Chị White không hề nói rằng thiên sứ trong Khải Huyền mười tám “không kém gì chính Đức Chúa Giê-su Christ” như Chị White đã nói về thiên sứ trong Khải Huyền mười, nhưng thiên sứ trong Khải Huyền mười tám làm rạn vỡ đất bằng vinh quang “của mình”, và Kinh Thánh khẳng định rõ ràng rằng chính vinh quang của Đức Chúa Giê-su Christ làm sáng khắp đất.

Công cụ phán xét đã đưa đến sự thử thách của giới Tin Lành lúc ban đầu là phong trào Miller, được Ê-li-a đại diện. Công cụ phán xét đưa đến sự thử thách của Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy vào thời kỳ cuối là phong trào Ê-li-a, được một trăm bốn mươi bốn nghìn đại diện. Biểu tượng Ê-li-a có nhiều hơn một ý nghĩa, và tuy ông đại diện cho Miller và phong trào Miller, ông cũng đại diện cho một trăm bốn mươi bốn nghìn.

Môi-se trên núi hóa hình đã làm chứng cho chiến thắng của Đấng Christ đối với tội lỗi và sự chết. Ông đại diện cho những người sẽ từ mồ mà bước ra trong sự sống lại của người công chính. Ê-li, người đã được cất lên trời mà không thấy sự chết, đại diện cho những người sẽ còn sống trên đất khi Đấng Christ tái lâm, và sẽ ‘được biến đổi, trong giây lát, trong nháy mắt, khi tiếng kèn cuối cùng vang lên;’ khi ‘thê hay chết này phải mặc lấy sự không hay chết,’ và ‘thê hay hư nát này phải mặc lấy sự không hay hư nát.’ 1 Cô-rinh-tô 15:51-53. Chúa Giê-su được mặc lấy ánh sáng thiên đàng, như Ngài sẽ hiện ra khi Ngài đến ‘lần thứ hai, không còn liên quan đến tội lỗi, để ban sự cứu rỗi.’ Vì Ngài sẽ đến ‘trong vinh quang của Cha Ngài cùng với các thiên sứ thánh.’ Hê-bơ-rơ 9:28; Mác 8:38. Lời hứa của Đấng Cứu Thế dành cho các môn đồ nay đã được ứng nghiệm. Trên núi, vương quốc vinh hiển tương lai đã được trình bày ở dạng thu nhỏ: Đấng Christ là Vua, Môi-se là đại diện cho các thánh đồ đã sống lại, và Ê-li cho những người được cất lên. *The Desire of Ages*, 412.

Dân giao ước bị bỏ qua chiếm đa số với tỷ lệ mười so với hai. Nhiều người được gọi, nhưng ít người được chọn. Sự thất bại của kỳ thử thứ mười tùy thuộc vào việc khước từ hay chấp nhận bản báo cáo xấu hoặc bản báo cáo tốt về Đất Hứa. Vì thế, lịch sử được minh họa ở đây cho thấy rằng thắng hay bại trong lịch sử các kỳ thử nghiệm nối tiếp dựa trên lựa chọn giữa hai phương pháp luận cùng diễn giải cùng một thông tin.

Tất cả mười hai người do thám đã thấy Đất Hứa, nhưng hai kết luận khác nhau đã được rút ra về điều mà Đất Hứa tượng trưng. Một bản tường trình được thúc đẩy bởi nỗi sợ hãi của con người, còn bản kia bởi đức tin. Một bên bộc lộ mong muốn khước từ sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời và quay trở lại ách nô lệ Ai Cập; còn bản tường trình kia bộc lộ mong muốn tin cậy sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời và tiến bước vào Đất Hứa.

Trong phong trào những người theo Miller, đa số cũng đã chọn quay trở lại ách nô lệ của Ba-by-lôn và trở thành các con gái của nàng; và điều này là sự bày tỏ quyết định của họ khước từ sứ điệp tiên tri của thiên sứ thứ nhất. Những người theo Miller trung tín đã chọn đi theo sứ điệp tiên tri của thiên sứ thứ nhất, ngay cả sau sự thất bại bề ngoài tại lần thất vọng thứ nhất vào mùa xuân năm 1844. Phần tường thuật trong sách Dân Số Ký nêu ra hai “báo cáo” khác nhau của mười hai thám tử, tượng trưng cho hai cách phân tích khác nhau về cùng một sứ điệp tiên tri. Năm 1863, Cơ Đốc Phục Lâm kiểu La-ô-đi-xê đã không tiếp nhận một sứ điệp tiên tri; trái lại họ khước từ một sứ điệp tiên tri vốn đã được xác lập từ trước. Năm 1863, Cơ Đốc Phục Lâm kiểu La-ô-đi-xê đã quay lại và chấp nhận phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh vốn chống đối William Miller suốt thời kỳ chức vụ của ông. Những người khước từ sứ điệp tiên tri và mong muốn quay lại ách nô lệ được tiêu biểu bởi những kẻ phản loạn trong Dân Số Ký chương mười bốn, là những người rút cuộc đã chết nơi đồng vắng.

Con số mười, khi được xem như một biểu tượng, cũng như mọi biểu tượng khác, có nhiều hơn một ý nghĩa. Ý nghĩa biểu tượng của nó phải được hiểu theo ngữ cảnh của đoạn văn nơi nó xuất hiện. “Mười” với tư cách là một biểu tượng có thể đại diện cho sự bách hại. Nó có thể tượng trưng cho một sự thử thách. Nó có thể đại diện cho sự liên minh mười phần của các vua châu Âu, các chi tộc phương bắc của Israel và Liên Hợp Quốc. Trong hội thánh tại Smyrna, dân của Đức Chúa Trời sẽ chịu hoạn nạn trong mười ngày.

Đừng sợ chi về những điều người sẽ phải chịu; kìa, ma quỷ sẽ ném một vài người trong các người vào ngục, hầu cho các người được thử thách; và các người sẽ chịu hoạn nạn mười ngày; hãy trung tín cho đến chết, và Ta sẽ ban cho người nào triều thiên của sự sống. Khải Huyền 2:10.

Các sử gia chỉ ra cuộc bách hại do Diocletian tiến hành trong lịch sử Smyrna, vì đó là cuộc bách hại nghiêm trọng nhất trong lịch sử của Smyrna, và nó kéo dài mười năm. Những sử gia khác xác định mười cuộc bách hại khác nhau trong lịch sử Smyrna. Dù theo cách nào, chúng đều do Đế quốc La Mã thực hiện, vốn trong Đa-ni-ên đoạn bảy được biểu trưng bởi mười sừng. Mười vua ấy, được tiêu biểu bởi Ahab, người đã thông dâm với giáo hoàng quyền, là công cụ bách hại mà giáo hoàng quyền đã dùng để tiến hành cuộc tàn sát trong Thời Kỳ Tăm Tối. “Mười” đại diện cho quyền lực nhà nước thực thi sự bách hại cho Giê-sa-bên. Trong Đa-ni-ên đoạn một, “mười” tượng trưng cho một thời kỳ thử thách.

Xin hãy thử các tôi tớ của ngài mười ngày; và xin cho chúng tôi ăn rau và uống nước. Rồi xin nhìn sắc mặt chúng tôi trước mặt ngài, và sắc mặt của các thanh niên ăn phần thức ăn của vua; và tùy điều ngài thấy, xin đối đãi với các tôi tớ của ngài. Người bèn thuận theo họ về việc ấy và thử họ mười ngày. Đến cuối mười ngày, sắc mặt họ trông tươi hơn và thân hình đầy đặn hơn mọi thanh niên ăn phần thức ăn của vua. Đa-ni-ên 1:12-15.

Trong Dân Số Ký chương 14, dân Israel xưa kia đã chọc giận Đức Chúa Trời mười lần, tượng trưng cho mười lần thử thách trong một khoảng thời gian.

Nhưng thật như Ta hằng sống, khắp mặt đất sẽ đầy dẫy vinh hiển của Đức Giê-hô-va. Vì hết thấy những người đã thấy vinh hiển Ta và những phép lạ Ta đã làm tại Ai Cập và trong đồng vắng, mà nay đã thử Ta mười lần và chẳng nghe theo tiếng Ta. Dân-số Ký 14:21, 22.

Nếu bạn lên mạng tìm hiểu xem những cuộc phản loạn cụ thể nào đại diện cho chín cuộc phản loạn hay những kỳ thử thách thất bại từ cuộc giải cứu tại Biển Đỏ cho đến kỳ thử thách thứ mười, bạn sẽ thấy có vài cách khác nhau về việc những thất bại nào của Israel cổ đại nên được xem là một trong mười kỳ thử thách ấy. Tôi cho rằng cuộc giải cứu tại Biển Đỏ, vốn đã được xác định cụ thể là tương ứng với ngày 22 tháng 10 năm 1844, là khởi đầu của mười kỳ thử thách, và vì thế là mốc để bắt đầu đếm các kỳ thử thách nảy sinh trong giai đoạn 1844 đến 1863. Đã có một tiến trình thử thách mang tính tiến triển bắt đầu vào năm 1798 khi sách Đa-ni-ên được mở ấn, và tiến trình ấy bao trùm lịch sử của sứ điệp thiên sứ thứ nhất và thứ hai, kết thúc khi thiên sứ thứ ba đến vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Tại Minneapolis, Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài những viên ngọc quý của lẽ thật trong những bối cảnh mới. Ánh sáng từ trời này đã bị một số người khước từ với tất cả sự cứng lòng mà người Do Thái đã bộc lộ khi khước từ Đấng Christ, và có nhiều lời bàn luận về việc kiên quyết giữ vững các mốc giới xưa. Nhưng có bằng chứng cho thấy họ không biết các mốc giới xưa ấy là gì. Có bằng chứng và lập luận từ Lời đã thuyết phục lương tâm; nhưng tâm trí người ta đã cố chấp, khép kín trước sự đi vào của ánh sáng, vì họ đã quyết rằng đó là một sai lầm nguy hiểm, là dỡ bỏ các 'mốc giới xưa', trong khi thực ra không hề dời một cọc mốc nào của các mốc giới xưa, mà họ có những quan niệm lệch lạc về điều gì cấu thành các mốc giới xưa.

Sự trôi qua của kỳ hạn năm 1844 là một giai đoạn của những sự kiện trọng đại, mở ra trước đôi mắt sững sốt của chúng ta sự thanh tẩy đền thánh đang diễn ra trên trời, và có mối liên hệ quyết định đối với dân Đức Chúa Trời trên đất, [cũng] các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai, và sứ điệp thứ ba, giương cao ngọn cờ trên đó có ghi: ‘Các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-su.’ Một trong những cột mốc dưới sứ điệp này là đền thờ của Đức Chúa Trời, được dân yêu lẽ thật của Ngài nhìn thấy ở trên trời, và hòm giao ước chứa luật pháp của Đức Chúa Trời. Ánh sáng của ngày Sa-bát thuộc điều răn thứ tư đã chiếu những tia sáng mạnh mẽ của nó trên đường lối của những kẻ vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời. Sự không bắt tữ của kẻ ác là một cột mốc cũ. Tôi không thể nhớ thêm điều gì khác có thể được xếp vào loại những cột mốc cũ. Tất cả tiếng kêu ca về việc thay đổi những cột mốc cũ đều chỉ là tưởng tượng. Các Tài Liệu 1888, 518.

Vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, thiên sứ thứ ba đã đến với một sứ điệp trong tay.

"Khi chức vụ của Đức Chúa Giê-su kết thúc tại nơi thánh, và Ngài bước vào nơi chí thánh, đứng trước hòm bia chứa luật pháp của Đức Chúa Trời, Ngài sai một thiên sứ quyền năng khác mang sứ điệp thứ ba đến cho thế gian. Một cuộn giấy da được đặt vào tay thiên sứ, và khi thiên sứ trong quyền năng và oai nghi giáng xuống đất, thiên sứ công bố một lời cảnh cáo đáng sợ, với lời đe dọa khủng khiếp nhất từng được mang đến cho loài người." *Early Writings*, 254.

Vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, một thiên sứ từ trên xuống, tay cầm một cuộn giấy da mà dân của Đức Chúa Trời phải ăn. Những giáo lý “cột mốc” được xác định khi ấy hoặc phải được ăn và chấp nhận, hoặc bị từ chối và không ăn. Khi thiên sứ thứ ba đến, tay cầm cuộn giấy da, sứ điệp trong cuộn ấy tượng trưng cho sáu lẽ thật thử thách. Sáu cuộc thử thách ấy được xác định là “sự trôi qua của thời gian,” đại diện cho lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm; sự phán xét, được biểu thị là “sự thanh tẩy đền thánh”; ba sứ điệp của ba thiên sứ; “luật pháp của Đức Chúa Trời”; “ngày Sa-bát”; và tình trạng của người chết, được trình bày là “sự không bắt tữ của linh hồn.”

Sáu lẽ thật ấy dĩ nhiên có liên hệ với nhau, nhưng từng lẽ thật một đã được xác định như những cột mốc. Một số người có thể không muốn đưa sự trôi qua của thời gian vào danh sách này, nhưng rõ ràng nhiều người đã bác bỏ lẽ thật rằng ngày 22 tháng 10 năm 1844 là một sự ứng nghiệm thật sự của lời tiên tri. Họ đã không vượt qua bài thử ấy, điều đó dĩ nhiên khiến họ không thể đối diện với những bài thử tiếp theo. Tiến trình thử nghiệm của Đức Chúa Trời đã nhiều lần được khẳng định là một tiến trình tiến từng bước, đòi hỏi bạn phải chiến thắng bài thử đầu tiên được giao trước khi có thể bước vào bài thử kế tiếp.

Khi chúng tôi bắt đầu trình bày ánh sáng về vấn đề ngày Sa-bát, chúng tôi chưa có khái niệm rõ ràng, dứt khoát về sứ điệp của thiên sứ thứ ba trong Khải Huyền 14:9-12. Điểm trọng tâm trong lời chứng của chúng tôi khi đến trước dân chúng là rằng phong trào tái lâm lần thứ hai vĩ đại là bởi Đức Chúa Trời, rằng sứ điệp thứ nhất và thứ hai đã được rao ra, và rằng sứ điệp thứ ba phải được rao ra. Chúng tôi thấy rằng sứ điệp thứ ba kết thúc bằng những lời: 'Đây là sự nhậm nại của các thánh đồ: đây là những người giữ các điều răn của Đức Chúa Trời, và đức tin của Đức Chúa Jêsus.' Và chúng tôi đã thấy rõ ràng, như bây giờ chúng tôi thấy, rằng những lời tiên tri này gợi ý một cuộc cải cách về ngày Sa-bát; nhưng còn việc sự thờ lạy con thú được nêu trong sứ điệp ấy là gì, hoặc hình tượng và dấu của con thú là gì, thì chúng tôi chưa có lập

trường xác định.

Đức Chúa Trời, bởi Đức Thánh Linh của Ngài, đã cho ánh sáng chiếu rọi trên các tội tớ của Ngài, và chủ đề ấy dần dần được mở ra trong tâm trí họ. Việc ấy đòi hỏi nhiều nghiên cứu và nỗ lực khẩn trương để dò tìm, mắt xích này nối tiếp mắt xích kia. Nhờ sự cần trọng, ưu tư và lao động không ngừng, công việc đã tiến triển cho đến khi những lẽ thật vĩ đại của sứ điệp chúng ta—một chính thể rõ ràng, mạch lạc, hoàn hảo—đã được ban cho thế giới.

Tôi đã nói về mối quen biết của tôi với Trưởng lão Bates. Tôi thấy ông là một quý ông Cơ Đốc chân chính, nhã nhặn và tử tế. Ông đối xử với tôi trìu mến như thể tôi là con ruột của ông. Lần đầu tiên ông nghe tôi nói, ông bày tỏ sự quan tâm sâu sắc. Sau khi tôi dứt lời, ông đứng dậy và nói: “Tôi là một Tôma hoài nghi. Tôi không tin vào các thị kiến. Nhưng nếu tôi có thể tin rằng lời chứng mà người chị em đã thuật lại tới nay thực sự là tiếng của Đức Chúa Trời cho chúng ta, thì tôi sẽ là người hạnh phúc nhất trên đời. Lòng tôi hết sức xúc động. Tôi tin người nói là chân thành, nhưng không thể giải thích về việc chị ấy đã được cho thấy những điều kỳ diệu mà chị đã thuật lại cho chúng ta.”

Vài tháng sau khi tôi kết hôn, tôi cùng chồng tham dự một Hội nghị tại Topsham, bang Maine, tại đó có Trưởng lão Bates hiện diện. Lúc ấy ông chưa hoàn toàn tin rằng các thị kiến của tôi là từ Đức Chúa Trời. Buổi nhóm ấy thật sự rất đáng chú ý. Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trên tôi; tôi được cuốn chìm trong một thị kiến về vinh quang của Đức Chúa Trời, và lần đầu tiên tôi được nhìn thấy các hành tinh khác. Sau khi ra khỏi thị kiến, tôi thuật lại những gì mình đã thấy. Khi ấy Trưởng lão B. hỏi tôi có học thiên văn không. Tôi nói với ông rằng tôi không nhớ đã từng tìm hiểu về thiên văn. Ông nói: “Điều này là bởi Chúa.” Trước đó tôi chưa bao giờ thấy ông thoải mái và vui mừng đến thế. Khuôn mặt ông rạng rỡ với ánh sáng thiên đàng, và ông khuyên bảo hội thánh một cách đầy quyền năng." Chứng Ngôn, quyển 1, trang 78-80.

Dĩ nhiên, tất cả những phép thử về giáo lý này có liên hệ với nhau, nhưng chúng cũng là những phép thử có thể tách riêng, và đã được dần dần bày tỏ cho các đầy tớ của Đức Chúa Trời. Có nhiều hội thánh tuân giữ ngày Sa-bát ngày thứ bảy, nhưng lại khước từ sứ điệp của ba thiên sứ. Họ bác bỏ lẽ thật rằng sự phán xét đã bắt đầu vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, nhưng vẫn giữ ngày Sa-bát. Những phép thử giáo lý này có liên hệ với nhau nhưng là sáu phép thử cụ thể.

Như vừa được minh họa qua trường hợp của Joseph Bates, vị thuyền trưởng tàu biển rất am tường thiên văn học đã chấp nhận Tinh thần Tiên tri, điều mà trước đó ông từng bác bỏ. Vào tháng 12 năm 1844, Ellen White nhận được Khải tượng đầu tiên của bà, và sự thử thách thứ bảy đã xuất hiện trong phong trào.

Kinh Thánh phải là cố vấn của bạn. Hãy nghiên cứu Kinh Thánh và các Lời Chứng mà Đức Chúa Trời đã ban; vì chúng không bao giờ mâu thuẫn với Lời Ngài. Nếu các Lời Chứng không nói theo Lời của Đức Chúa Trời, hãy bác bỏ chúng. Đấng Christ và Belial không thể hiệp nhất. Những Sứ Điệp Được Chọn, quyển 3, 33.

Không lâu sau nỗi thất vọng lớn, bà White đã tán thành một bài viết trong đó xác định rằng Đấng Christ đã chuyển từ Nơi Thánh sang Nơi Chí Thánh vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Bà khuyên "mọi thánh đồ" đọc ấn phẩm ấy.

Tôi tin rằng Đền Thánh, sẽ được thanh tẩy vào cuối 2300 ngày, chính là Đền thờ Giê-ru-sa-lem Mới, nơi Đấng Christ làm thầy tế lễ. Chúa đã cho tôi thấy trong một khái tượng, hơn một năm trước, rằng Anh Crosier có ánh sáng chân thật về sự thanh tẩy Đền Thánh, v.v.; và rằng đó là ý muốn của Ngài để Anh C. viết ra quan điểm mà anh đã trình bày cho chúng ta trong Day-Star, Phụ bản, ngày 7 tháng 2, 1846. Tôi cảm thấy được Chúa hoàn toàn ủy quyền để giới thiệu Phụ bản ấy cho mọi thánh đồ.” Lời gửi đến Bầy Nhỏ, 12.

Bà tán thành mô tả của Crosier về sự chuyển dịch của Đấng Christ vào Nơi Chí Thánh, nhưng bài viết đó chứa đựng một số giáo huấn sai lầm, bao gồm giáo lý của phái Tin Lành bội đạo cho rằng "daily" trong sách Đa-ni-ên tượng trưng cho chức vụ của Đấng Christ. Vì vậy, bà đã viết một bản làm rõ, được xuất bản lần đầu năm 1850 và sau đó được đưa vào sách Early Writings. Ở đó bà khẳng định rằng "những người đã cất tiếng kêu về giờ phán xét có quan điểm đúng đắn về 'daily'."

Rồi tôi thấy, liên quan đến "daily" (Daniel 8:12), rằng từ "sacrifice" là do sự khôn ngoan của loài người thêm vào, không thuộc về bản văn; và rằng Chúa đã ban quan điểm đúng đắn về điều ấy cho những người đã cất tiếng kêu của giờ phán xét. Khi còn hiệp nhất, trước năm 1844, gần như tất cả đều hiệp một trong quan điểm đúng đắn về "daily"; nhưng trong sự rối loạn kể từ năm 1844, các quan điểm khác đã được tiếp nhận, và bóng tối cùng sự rối loạn đã theo sau. Early Writings, 74.

Chủ đề "sự hằng ngày" trong sách Đa-ni-ên đã trở thành biểu tượng cho việc Cơ Đốc Phục Lâm quay trở lại phương pháp luận của Tin Lành bội đạo vào đầu thế kỷ XX, và ngày nay sự hiểu biết đúng đắn của phái Millerite về "sự hằng ngày" đã bị các nhà thần học của Cơ Đốc Phục Lâm bác bỏ. Điều ấy đã bị bác bỏ, mặc dù Bà White đã xác định rõ ràng rằng những người Millerite là đúng khi cho rằng "sự hằng ngày" là quyền lực Sa-tan của ngoại giáo. Họ đã bác bỏ lẽ thật về "sự hằng ngày", không những trái ngược với sự xác nhận được linh cảm của bà rằng sự hiểu biết của người Millerite là đúng, mà còn trực tiếp mâu thuẫn với việc bà thẳng thừng xác định rằng giáo lý sai lầm dạy rằng "sự hằng ngày" tượng trưng cho chức vụ trong đền thánh của Đấng Christ là do "những thiên sứ bị đui khỏi thiên đàng" truyền đạt!

"Và có Anh Daniells, người mà tâm trí đang bị kẻ thù tác động; và tâm trí của ông và của Trưởng lão Prescott đang bị các thiên sứ bị trục xuất khỏi thiên đàng tác động." Manuscript Releases, tập 20, 17.

Sự bác bỏ sâu sắc của bà đối với điều mà Phục Lâm giáo hiện dùng như một trong những "món ăn của chuyện bịa đặt" của mình là rất mạnh mẽ, vì Daniells và Prescott đã lấy một biểu tượng của quyền lực Sa-tan (ngoại giáo) và gán biểu tượng đó cho Đấng Christ (thừa tác vụ đền thánh của Ngài). Điều này tạo thành tám phép thử giáo lý.

Phép thử thứ chín trong lịch sử dẫn tới năm 1863 là việc xuất bản bảng thứ hai của Ha-ba-cúc vào năm 1850. Biểu đồ tiên phong năm 1843 được xuất bản vào năm 1842, và chỉ được gọi là biểu đồ 1843 vì nó đã dự đoán sự tái lâm của Đấng Christ vào năm 1843. Mệnh lệnh để xuất bản một bảng thứ hai của Ha-ba-cúc đã được ban cho bà White vào năm 1850. Việc xuất bản hai bảng của Ha-ba-cúc liên kết lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thứ hai với lịch sử của thiên sứ thứ ba. Trong cuốn tiểu sử về cuộc đời và công việc của bà do cháu trai của bà viết, ông đưa ra một tổng quan về

các sự kiện dẫn đến việc xuất bản biểu đồ năm 1850. Ông làm điều đó bằng cách chọn các nhận xét liên quan của bà White và thêm phần bình luận của mình vào bản tổng quan.

"Khi chúng tôi trở lại nhà anh Nichols, Chúa ban cho tôi một khái tượng và cho tôi thấy rằng lẽ thật phải được trình bày rõ ràng trên các bảng, và điều đó sẽ khiến nhiều người quyết định đúng về phía lẽ thật nhờ sứ điệp của thiên sứ thứ ba, còn hai sứ điệp trước cũng được trình bày rõ ràng trên các bảng. - Thư 28, 1850."

Trong thị kiến này, bà cũng được cho thấy điều sẽ tiếp thêm can đảm cho James White để tiếp tục công việc xuất bản:

Tôi cũng thấy rằng việc xuất bản tờ báo cũng cần thiết như việc các sứ giả ra đi, vì các sứ giả cần một tờ báo mang theo, trong đó chứa đựng lẽ thật hiện tại để trao vào tay những người nghe, và như vậy lẽ thật sẽ không phai mờ khỏi tâm trí. Và tờ báo sẽ đến những nơi mà các sứ giả không thể tới.-Sđd.

Công việc về biểu đồ mới được bắt đầu ngay, và đã có dịp thông báo cho các anh em về việc đó trong số báo Present Truth mà James phát hành vào tháng sau:

Biểu đồ. Một biểu đồ theo trình tự thời gian về các khái tượng của Đa-ni-ên và Giăng, được soạn nhằm minh họa rõ ràng lẽ thật hiện tại, hiện đang được in thạch bản dưới sự trông nom của anh Otis Nichols, ở Dorchester, Massachusetts. Những ai giảng dạy lẽ thật hiện tại sẽ được nó hỗ trợ rất nhiều. Thông báo thêm về biểu đồ sẽ được đưa ra sau này.-Present Truth, Tháng Mười Một, 1850.

Đến cuối tháng Giêng năm 1851, biểu đồ đã sẵn sàng và được quảng cáo với giá 2 đô la. James White rất hài lòng với nó và tặng miễn phí cho 'những người mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi để rao truyền sứ điệp của thiên sứ thứ ba' (Review and Herald, tháng Giêng, 1851). Một số khoản quyên góp hào phóng đã giúp trang trải chi phí xuất bản. Arthur White, Ellen G. White: Những Năm Đầu, tập 1, 185.

Khi nói về biểu đồ năm 1843, Bà White ghi lại rằng nó đã được Đức Chúa Trời hướng dẫn.

Chúa cho tôi thấy rằng biểu đồ năm 1843 được chính tay Ngài chỉ đạo, và rằng không phần nào của nó được phép thay đổi; rằng các con số đúng như Ngài muốn. Rằng tay Ngài đã phủ lên và che giấu một sai sót trong một số con số, khiến không ai có thể thấy, cho đến khi tay Ngài được rút lại. Review and Herald, ngày 1 tháng 11 năm 1850.

Khi ghi lại sự soi dẫn liên quan đến mệnh lệnh làm một biểu đồ khác vào năm 1850, bà đã đưa ra cùng sự phê chuẩn của Chúa đối với biểu đồ năm 1850 như đã được đưa ra liên quan đến biểu đồ năm 1843, đồng thời chỉ ra rằng những biểu đồ khác khi đó đang được làm ra thì không được Chúa chấp nhận. Mệnh lệnh làm một biểu đồ mới đi kèm với mệnh lệnh in một ấn phẩm mới.

Tôi thấy việc làm biểu đồ là hoàn toàn sai. Nó bắt nguồn từ Anh Rhodes và được Anh Case làm theo. Đã tốn tiền của vào việc làm biểu đồ và tạo ra những hình ảnh thô kệch, đáng ghê tởm để đại diện cho các thiên sứ và Chúa Giê-su vinh hiển. Tôi thấy những điều như vậy không đẹp lòng Đức Chúa Trời. Tôi thấy Đức Chúa Trời ở trong việc xuất bản biểu đồ do Anh Nichols thực hiện. Tôi thấy trong Kinh Thánh có lời tiên tri về biểu đồ này, và nếu biểu đồ này

được dành cho dân sự của Đức Chúa Trời, nếu nó đủ cho một người thì cũng đủ cho người khác, và nếu một người cần một biểu đồ mới được vẽ ở kích thước lớn hơn, thì mọi người cũng cần như thế.

Tôi thấy đó là một tâm trạng bồn chồn, bất an, không thỏa mãn, vô ơn nơi Anh Case, mong muốn một biểu đồ khác. Tôi thấy rằng những tấm biểu đồ được vẽ này đã gây tác động xấu đến hội chúng. Nó khiến buổi nhóm mang một tinh thần chế nhạo nhẹ dạ, nông nổi.

Tôi thấy rằng những bảng do Đức Chúa Trời truyền làm gây ấn tượng tốt nơi tâm trí, ngay cả khi không có lời giải thích. Trong cách mô tả các thiên sứ trên các bảng ấy có điều gì đó nhẹ nhàng, đáng mến và mang tính thiên thượng. Tâm trí gần như không hay biết mà được hướng về Đức Chúa Trời và thiên đàng. Nhưng những bảng khác đã được làm ra thì khiến tâm trí ghé tòm và làm cho người ta bận lòng về trần gian hơn là về thiên đàng. Những hình ảnh mô tả thiên sứ trông giống ác quỷ hơn là những hữu thể của thiên đàng. Tôi thấy rằng suốt nhiều ngày, nhiều tuần, các bảng ấy đã chiếm lấy tâm trí của Anh Case, trong khi lẽ ra anh phải tìm kiếm sự khôn ngoan thiên thượng từ Đức Chúa Trời, và đáng lẽ phải tăng trưởng trong ân điển của Thánh Linh và trong sự hiểu biết về lẽ thật.

Tôi thấy rằng nếu số tiền đã bị lãng phí vào việc xuất bản các biểu đồ được dùng để trình bày lẽ thật một cách rõ ràng trước anh em qua việc phát hành các tờ truyền đạo, v.v., thì điều đó đã đem lại nhiều điều tốt lành và cứu được nhiều linh hồn. Tôi thấy rằng việc làm biểu đồ đã lan rộng như cơn sốt. Manuscript Releases, số 13, 359; 1853.

Bà nói thẳng rằng "Đức Chúa Trời đã ở trong việc xuất bản biểu đồ [1850] do Anh Nichols thực hiện," và rằng có "một lời tiên tri [Ha-ba-cúc đoạn hai] về biểu đồ này trong Kinh Thánh." Bà cũng xác định rằng "các biểu đồ" [số nhiều; 1843 và 1850] "được Đức Chúa Trời truyền làm đã đánh động tâm trí một cách thuận lợi, ngay cả khi không có lời giải thích." Ha-ba-cúc đoạn hai đã truyền cho những người Millerite phải viết rõ khái tượng trên các bảng (ở dạng số nhiều), để người nào đọc hai biểu đồ ấy có thể chạy qua chạy lại trong Lời Đức Chúa Trời. Các biểu đồ do Đức Chúa Trời chỉ định không cần thêm lời giải thích, không như trường hợp biểu đồ giả mạo năm 1863 của Uriah Smith.

Đức Giê-hô-va đáp lại ta và phán: Hãy chép khái tượng, ghi cho rõ trên các bảng, hầu cho ai đọc được thì chạy. Ha-ba-cúc 2:2.

Kỳ thử thách thứ mười là trọng tâm của bài viết này. Với mười thử thách được Môi-se nhắc đến trong Dân Số Ký chương mười bốn, các học giả Do Thái và các nhà thần học khác đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau về việc những biến cố nào trong lịch sử, từ sự giải cứu tại Biển Đỏ đến cuộc nổi loạn của mười người do thám, có thể tương ứng với các thử thách ấy. Những cuộc nổi loạn trong giai đoạn lịch sử đó cho thấy có vài cách liệt kê để lựa chọn, nhưng điều chắc chắn là kỳ thử thách thứ mười đánh dấu sự khởi đầu của bốn mươi năm chết dần mòn trong hoang mạc, cho đến khi tất cả những kẻ nổi loạn đã đến tuổi chịu trách nhiệm đều chết.

Tương tự, một số người có thể phản đối việc tôi chọn ra mười bài kiểm tra giáo lý này, vì có thể có những biến thể có vẻ tốt hơn những gì tôi trình bày ở đây. Tuy nhiên, bài kiểm tra thứ mười và cuối cùng rõ ràng như cuộc nổi loạn của mười gián điệp. Đó là sự bác bỏ bày lãn trong Lê-vi Ký đoạn

26. Có một số bằng chứng tiên tri để củng cố sự nhận định này.

Trong bài viết tiếp theo, chúng ta sẽ bắt đầu xác định những chứng nhân tiên tri ủng hộ nhận định rằng “bảy lần” trong Lê-vi Ký 26 là sự thất bại thứ mười và sau cùng của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê.

Khi quyền năng của Đức Chúa Trời làm chứng về điều gì là lẽ thật, thì lẽ thật ấy phải đứng vững đời đời như lẽ thật. Không được chấp nhận những giả định nảy sinh về sau, trái với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban. Sẽ có người dấy lên với những cách giải thích Kinh Thánh mà đối với họ là lẽ thật, nhưng không phải lẽ thật. Lẽ thật dành cho thời này, Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta làm nền tảng cho đức tin của chúng ta. Chính Ngài đã dạy chúng ta điều gì là lẽ thật. Người này, rồi người khác, sẽ dấy lên với ánh sáng mới mâu thuẫn với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban dưới sự minh chứng của Đức Thánh Linh của Ngài.

Vẫn còn một vài người còn sống, những người đã trải qua những kinh nghiệm có được trong việc thiết lập lẽ thật này. Đức Chúa Trời đã nhân từ gìn giữ mạng sống họ để họ lặp đi lặp lại, cho đến cuối đời mình, những kinh nghiệm mà họ đã trải qua, như sứ đồ Giăng đã làm cho đến tận cuối đời ông. Còn những người cầm cờ đã ngã xuống trong sự chết sẽ lên tiếng qua việc tái bản các tác phẩm của họ. Tôi được chỉ dạy rằng bằng cách ấy, tiếng nói của họ sẽ được nghe. Họ phải làm chứng về điều gì là lẽ thật cho thì giờ này.

Chúng ta không được tiếp nhận lời nói của những người mang đến một sứ điệp trái ngược với những điểm đặc biệt trong đức tin của chúng ta. Họ gom góp một khối lớn các câu Kinh Thánh và chồng chất chúng lên như bằng chứng bao quanh những lý thuyết họ quả quyết. Điều này đã được lặp đi lặp lại suốt năm mươi năm qua. Và dẫu Kinh Thánh là lời của Đức Chúa Trời và đáng được tôn kính, thì việc áp dụng chúng, nếu sự áp dụng ấy làm xê dịch một trụ cột nào khỏi nền tảng mà Đức Chúa Trời đã duy trì suốt năm mươi năm, là một sai lầm lớn. Người thực hiện sự áp dụng như vậy không biết đến sự bày tỏ kỳ diệu của Đức Thánh Linh, Đấng đã ban quyền năng và sức mạnh cho những sứ điệp trước đây đã đến với dân sự của Đức Chúa Trời. Selected Messages, quyển 1, 161.